

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2021/DS -ST

Ngày 18/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Văn Nhất

2. Ông Đào Mạnh Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo –Thư ký TAND Thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở TAND Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-DS ngày 08/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Mậu C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Anh Hoàng Quang Q, sinh 1973 (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2020 và ngày 17/3/2021 - có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ nơi ở: Số 31, ngõ 267, đường P, tổ dân phố số 5, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần L (vắng mặt)

Địa chỉ: N24, khu dân cư sĩ quan, quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường D, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/10/2014, ông Nguyễn Hồng T ký Hợp đồng Hợp tác bán hàng số 058776/HĐ-LMTD với Công ty Cổ phần L, do ông Nguyễn Văn C là Tổng giám đốc đại diện, ông C trực tiếp ký hợp đồng với ông T tại Công ty L – Chi nhánh Hà Nam. Thời hạn hợp đồng là 01 năm. Ông T ký hợp đồng với mục đích đầu tư vào cho

Công ty để hưởng hoa hồng, sử dụng sản phẩm bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình.

Sau khi ký hợp đồng nêu trên, ông T đã mua của Công ty 22 gói sản phẩm (chủ yếu là Cao hồng sâm), giá mỗi gói sản phẩm là 8.450.000đồng hoặc 9.888.000đồng (tùy thời điểm lấy hàng). Tổng cộng số tiền ông T đã nộp vào Công ty L Việt Nam là 185.900.000đồng theo phiếu thu ngày 08/11/2014, 11/4/2014, 07/11/2014, 04/11/2014, 24/10/2014 (ông T đã cung cấp cho Tòa án). Toàn bộ số tiền nêu trên ông T nộp trực tiếp cho tổ hành chính của mạng lưới bán hàng đa cấp của Công ty – Chi nhánh tại Hà Nam. Sau khi nộp tiền vào Công ty, Công ty có đưa cho ông T 22 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho và các phiếu thu nêu trên. Toàn bộ số tiền ông T nộp vào Công ty là tiền riêng của cá nhân ông T, không liên quan đến thành viên nào trong gia đình.

Ông T đã lấy và sử dụng 19 gói sản phẩm và nộp lại cho Công ty 19 Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Hiện Công ty còn chưa trả ông T 03 gói sản phẩm tương đương với 25.350.000đồng (03 gói x 8.450.000đồng). 03 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho tương đương với số tiền 25.350.000 Công ty yêu cầu ông nộp lại và Công ty đưa cho ông Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa ngày 27/3/2016 (ông T đã cung cấp cho Tòa án). Số lượng hàng hóa ông T gửi theo Đơn đề nghị tự nguyện ngày 27/3/2016 là 03 sản phẩm cao hồng sâm

Ông T chưa được nhận bất cứ tri ân nào. Ông T đã được Công ty chi trả một phần tiền hoa hồng tuy nhiên ông T không nhớ được con số cụ thể nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đến năm 2017, ông T phát hiện ra ngày 07/11/2016, Công ty Cổ phần L đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường. Nay, ông T yêu cầu Công ty Cổ phần L phải trả ông số tiền 25.350.000 đồng tương đương với 3 gói sản phẩm ông T đã mua nhưng chưa được trả sản phẩm. Căn cứ, chứng cứ chứng minh là: Hợp tác bán hàng số 058776/HĐ-LMTD ngày 24/10/2014; phiếu thu ngày 08/11/2014, 11/4/2014, 07/11/2014, 04/11/2014, 24/10/2014; Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa ngày 27/3/201.

Ông T chỉ biết khi nộp tiền ông T nộp cho Chi nhánh Công ty tại Hà Nam. Ông không biết họ tên, địa chỉ nơi ở của những người đã ký, viết tại các phiếu thu cũng như tại Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa ngày 27/3/2016.

Theo cung cấp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang tại Tại Công văn số 13/CV-ĐKKD ngày 28/01/2021 và tài liệu kèm theo thì Công ty Cổ phần L vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn T kéo dài, phường D, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo biên bản xác minh tại UBND phường D, Thành phố B thì Công ty không có hoạt

động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã thuê lại để đặt trụ sở.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty Cổ phần L không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

***Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty Cổ phần L, bao gồm:***

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần L không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty Cổ phần L không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Tại phiên tòa ngày 29/4/2021: Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 18/5/2021:

Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T: Buộc Công ty Cổ phần L phải trả cho ông T số tiền 25.350.000 đồng.

+Về án phí: Công ty Cổ phần L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 24/10/2014, Công ty Cổ phần L và ông Nguyễn Hồng T đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 058776/HĐ-LMTD. Căn cứ hợp đồng trên, ông T có nợ tiền mua hàng của Công ty Cổ phần L nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Ông T đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ông T khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa ông T với Công ty Cổ phần L là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)*". Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc Công ty Cổ phần L phải trả số tiền 25.350.000 đồng:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (Hợp đồng hợp tác bán hàng số 058776/HĐ-LMTD ngày 24/10/2014, các phiếu thu ngày 08/11/2014, 11/4/2014, 07/11/2014, 04/11/2014, 24/10/2014, Đơn tự nguyện gửi hàng hóa ngày 27/3/2016) có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Hồng T có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 058776/HĐ-LMTD ngày 24/10/2014 với Công ty Cổ

phần L trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Ông T đã nộp tiền vào Công ty để mua 22 gói sản phẩm với tổng số tiền 185.900.000đồng. Công ty Cổ phần L mới trả ông T 19 gói sản phẩm còn nợ 03 gói sản phẩm (theo phiếu thu ngày 08/11/2014 thì 03 gói sản phẩm x 8.450.000đồng/1 sản phẩm = 25.350.000đồng)

[3.2]. Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty Cổ phần L. Tại Quyết định trên thì Công ty Cổ phần L đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[3.3]. Ông T yêu cầu Công ty Cổ phần L phải trả số 25.350.000 đồng tương đương giá trị của 03 gói sản phẩm ông T đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu trên của ông Nguyễn Hồng T.

[5] Về án phí: Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên Công ty Cổ phần L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần L phải trả ông Nguyễn Hồng T số tiền 25.350.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần L phải chịu 1.267.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- CCTHADS Tp Bắc Giang.
- Các đ- ơng sự.
- L- u HS, VP.

**Triệu Thị Luyện**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

4